

Kính gửi - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v Hiệu chỉnh số liệu báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2014

Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) đã nộp báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2014 đến Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và công bố thông tin trên trang điện tử của doanh nghiệp đồng thời cập nhập trên phần mềm của Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Nay Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) xin hiệu chỉnh lỗi do đánh máy tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3 /2014 như sau :

- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại quý 3/2014:
 - o Số liệu trước khi thay đổi: 229.029.790 đồng
 - o Số liệu sau khi thay đổi: (229.029.790) đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ lũy kế đến quý 3/2014:
 - o Số liệu trước khi thay đổi: 187.620.882.489 đồng
 - o Số liệu sau khi thay đổi: 184.620.882.489 đồng
- Các nội dung số liệu khác không thay đổi.

Nay, chúng tôi gửi đến Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM bản kết quả kinh doanh quý 3/2014 hợp nhất đã hiệu chỉnh.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
 - Lưu Thư ký
 - Lưu Văn thư
- T



TM. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ
PHÚ NHUẬN
TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN THỊ CÚC

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho quý 3 năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế	
			Quý 3/2014	Quý 3/2013	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.372.586.641.418	2.566.821.024.614	7.340.661.939.448	6.410.908.064.983
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(25.411.184.241)	(15.113.464.429)	(68.887.703.362)	(40.567.188.771)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.347.175.457.177	2.551.707.560.185	7.271.774.236.086	6.370.340.876.212
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(2.132.415.030.249)	(2.398.607.435.268)	(6.614.042.126.772)	(5.904.225.852.783)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		214.760.426.928	153.100.124.917	657.732.109.314	466.115.023.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.708.994.268	8.711.719.504	16.798.467.729	18.495.508.369
22	7. Chi phí tài chính	24	(21.893.918.070)	(21.328.145.680)	(66.881.815.631)	(63.284.186.262)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.508.064.728)	(20.852.843.358)	(62.266.418.382)	(62.334.037.922)
24	8. Chi phí bán hàng		(88.387.462.575)	(65.319.087.300)	(254.946.058.601)	(186.791.720.046)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(29.161.266.822)	(28.656.920.739)	(90.824.686.363)	(72.700.601.114)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.026.773.729	46.507.690.702	261.878.016.448	161.834.024.376
31	11. Thu nhập khác	25	1.113.960.126	859.473.069	2.176.173.557	1.567.287.646
32	12. Chi phí khác	25	(796.641.915)	(1.054.499.576)	(1.463.692.275)	(1.518.518.662)
40	13. Lợi nhuận khác	25	317.318.211	(195.026.507)	712.481.282	48.768.984



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho quý 3 năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

45	14. Phần lãi/lỗ từ công ty liên kết		248.756.408	383.354.388	(516.267.642)	3.313.680.677
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		77.592.848.348	46.696.018.583	262.074.230.088	165.196.474.037
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(25.810.608.950)	(10.106.063.737)	(64.150.544.294)	(39.704.458.565)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(229.029.790)	(634.977.555)	73.695.416	19.429.624
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		51.553.209.608	35.954.977.291	197.997.381.210	125.511.445.096
61	Trong đó:					
62	Lợi ích của các cổ đông thiểu số		4.699.367.648	3.387.806.054	13.376.498.721	3.387.806.054
	Lãi thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		46.853.538.960	32.567.171.237	184.620.882.489	122.123.639.042
70	19. Lãi trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	21.4				
	Cơ bản		620	452	2.442	1.696
	Suy giảm		-	-	-	-


Dương Quang Hải
Người lập


Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2014